

Số: 796/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023; Nghị quyết số 08/2023/NQHĐND ngày 14/7/2023; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024; Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 và Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; danh mục công trình, dự án đưa ra khỏi các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của UBND huyện Tam Nông (Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 03/5/2025) và đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Tờ trình số 47/TTr-SNNMT ngày 09/4/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tam Nông với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Tổng diện tích đất tự nhiên là 15.559,73 ha, trong đó:

- + Đất nông nghiệp: 10.395,73 ha, chiếm 66,81% tổng diện tích tự nhiên.
- + Đất phi nông nghiệp: 4.861,85 ha, chiếm 31,25% tổng diện tích tự nhiên.
- + Đất chưa sử dụng: 302,15 ha, chiếm 1,94% tổng diện tích tự nhiên.

(Chi tiết theo Phụ biểu 01 kèm theo).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2025

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích các loại đất cần thu hồi với tổng diện tích 861,54 ha. Trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 794,43 ha.
- Thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 67,11 ha.

(Chi tiết theo phụ biểu 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 836,60 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 11,18 ha.

(Chi tiết theo phụ biểu 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng với tổng diện tích 3,96 ha.

(Chi tiết theo phụ biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục dự án thực hiện trong năm 2025

Tổng số 119 dự án, trong đó 19 dự án đăng ký mới và 100 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

(Chi tiết theo phụ biểu 05 kèm theo).

6. Danh mục dự án không khả thi đề nghị hủy bỏ

Tổng số 06 dự án.

(Chi tiết theo phụ biểu 06 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo quy định; tham mưu thực hiện việc thu hồi

đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Tam Nông có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai và đôn đốc chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Có giải pháp cụ thể theo quy định của pháp luật để huy động vốn và các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, UBND huyện Tam Nông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Phụ biểu 01: Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hưng Hoá	Xã Bắc Sơn	Xã Dân Quyền	Xã Dị Nậu	Xã Hiền Quan	Xã Hương Nộn	Xã Lam Sơn	Xã Quang Húc	Xã Tè Lễ	Xã Thanh Uyên	Xã Thọ Văn	Xã Vạn Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Loại đất														
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		15.559,73	471,21	1.540,97	1.442,04	1.238,07	632,83	911,50	2.146,58	738,41	1.698,05	964,13	1.417,59	2.358,36
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	10.395,73	232,30	904,42	757,35	1.075,19	401,80	530,23	1.189,88	462,21	1.435,76	703,80	1.169,77	1.533,03
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.156,26	96,31	317,87	420,30	294,66	186,64	221,18	510,21	100,22	267,45	192,50	138,77	410,15
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1.234,80	11,55	215,42	183,97	64,08	93,44	142,53	183,81	35,68	83,63	78,54	24,80	117,35
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.921,46	84,76	102,45	236,33	230,58	93,20	78,65	326,40	64,54	183,82	113,97	113,97	292,80
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.278,38	47,27	82,77	134,86	17,78	68,49	44,89	174,33	133,06	220,63	181,85	25,73	146,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.327,32	73,21	280,18	117,21	71,32	110,28	197,77	217,58	74,74	252,94	174,80	218,98	538,29
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	214,33				31,49				32,84	87,59		62,41	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.572,15		193,98	18,96	593,71		22,69	241,15	15,89	497,17	53,00	628,99	306,61
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>63,16</i>											<i>63,16</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	764,55	15,50	29,16	65,02	66,10	36,40	43,70	45,31	104,54	38,99	93,66	94,90	131,27
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT													
1.9	Đất làm muối	LMU													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	82,74		0,47	0,99	0,12			1,29	0,90	70,99	7,99		
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.861,85	238,92	549,25	682,26	161,51	210,06	376,99	941,07	258,99	203,64	258,08	193,01	788,08

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hưng Hoá	Xã Bắc Sơn	Xã Dân Quyền	Xã Dị Nậu	Xã Hiền Quan	Xã Hương Nộn	Xã Lam Sơn	Xã Quang Húc	Xã Tề Lễ	Xã Thanh Uyên	Xã Thọ Văn	Xã Vạn Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	780,04		100,74	109,41	59,18	47,01	61,02	132,84	49,78	27,55	37,19	45,68	109,64
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	53,20	53,20											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,53	4,73	0,24	2,01	0,42	0,27	1,41	0,13	0,76	0,31	0,28	0,38	0,59
2.4	Đất quốc phòng	CQP	52,30	13,73		0,06			0,26						38,25
2.5	Đất an ninh	CAN	3,22	1,72		1,30	0,20								
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	276,07	7,88	7,37	7,00	2,99	3,21	11,05	171,63	32,39	5,09	3,08	8,51	15,88
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	14,30	0,47	1,55	2,33	0,56	0,74	0,96	1,51	0,71	0,72	0,85	1,56	2,33
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH													
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,05	0,15	0,26	0,35	0,07	0,12	0,26	0,39	0,18	0,14	0,08	0,12	1,93
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	51,51	5,77	4,32	4,27	1,77	2,16	8,18	8,01	2,17	1,53	1,90	2,34	9,09
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	205,17	1,49	1,24	0,05	0,58	0,17	1,65	161,16	29,32	2,71	0,17	4,48	2,15
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT													
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,04					0,02		0,56			0,08		0,38
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	758,14	4,45	0,19	117,41	38,27	5,51	21,71	214,55	14,04	37,06	33,12	57,34	214,49

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hưng Hoá	Xã Bắc Sơn	Xã Dân Quyền	Xã Dị Nậu	Xã Hiền Quan	Xã Hương Nộn	Xã Lam Sơn	Xã Quang Húc	Xã Tề Lễ	Xã Thanh Uyên	Xã Thọ Văn	Xã Vạn Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	213,73			103,73				55,00					55,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	227,90							76,47					151,43
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	89,81	2,03	0,19	7,56		0,56	2,35	59,54	6,78	1,57	0,08	1,08	8,06
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	118,42	2,42		2,41	10,01	4,95	14,71	23,29	0,56	16,65	26,47	16,94	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	108,28			3,71	28,26		4,65	0,25	6,70	18,83	6,57	39,31	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.491,31	74,45	135,06	201,02	50,09	60,08	109,72	322,92	112,27	75,82	59,32	74,37	216,20
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.027,22	61,90	110,94	131,00	31,03	51,19	88,65	146,18	72,11	43,40	51,08	60,65	179,10
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	302,92	8,43	22,20	64,95	16,95	6,47	17,58	64,21	29,24	31,26	7,60	11,09	22,94
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT													
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC													
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	3,60			0,13	1,47	1,57							0,43
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,40	0,23	0,09	0,22	0,05		0,70			0,50	0,05		0,56
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	9,16	0,31	0,70	1,06	0,35	0,66	0,98	0,89	0,58	0,54	0,09	0,30	2,69
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,46	0,22	0,18	0,14	0,04	0,06	0,07	0,18	0,03	0,03	0,04	0,08	0,37

[illegible]

Phụ biểu 02: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hưng Hoá	Xã Bắc Sơn	Xã Dân Quyền	Xã Dị Nậu	Xã Hiền Quan	Xã Hương Nộn	Xã Lam Sơn	Xã Quang Húc	Xã Tề Lễ	Xã Thanh Uyên	Xã Thọ Văn	Xã Vạn Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1,39	0,29		0,70			0,20	0,03	0,03	0,00		0,14	
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,13	0,03						0,03	0,03	0,00		0,04	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH													
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT													
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,30						0,20					0,10	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,96	0,26		0,70									
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT													
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK													
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,05			0,02				0,01	0,01	0,01			
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,02			0,02									
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,03			0,00				0,01	0,01	0,01			
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công	CCC	42,98	0,83	0,80	2,41	0,10	0,61	1,41	21,26	1,57	0,01		1,91	12,08

[illegible]

Phụ biểu 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu 04: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu 05: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Tam Nông

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch							
1.1.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 31 Điều 79 Luật Đất đai							
1	Khu công nghiệp Tam Nông	110,00	110,00		110,00	LUC(20); HNK(10); CLN(12); RSX(45); NTS(5,5); DGT(8); DTL(9); NTD(0,5);	xã Lam Sơn, xã Vạn Xuân	Văn bản số 5074/UBND-KTTH ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh vị trí khu công nghiệp Tam Nông
1.2.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 22 Điều 79 Luật Đất đai							
1	Cụm công nghiệp Tam Nông	75,00	75,00		75,00	LUK(11,89); HNK(11,27); RSX(46,6); NTS(2,8); DGT(1,97); NTD(0,19); TVC(0,28); SON(0,28);	xã Vạn Xuân, Lam Sơn	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Các Quyết định của UBND tỉnh; Số 3516/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 và số 1167/QĐ-UBND ngày 05/06/2023 về việc thành lập và chấp thuận chủ trương đầu tư; Hồ sơ theo quy định tại ND số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 của Chính phủ
1.3.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 1 Điều							

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
	79 Luật Đất đai							
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trung tâm thể thao huyện đi đường Xuân Nương thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông	1,42	1,42		1,42	LUC(0,5); HNK(0,37); CLN(0,55);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện Tam Nông Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trung tâm thể thao huyện đi đường Xuân Nương thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông
2	Đường vào khu di tích rừng cấm - giếng mỏ xã Hiền Quan	2,32	2,32		2,32	LUK(1,13); HNK(0,57); CLN(0,33); DGT(0,26); NTD(0,03); BCS(0,01);	xã Hiền Quan	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
3	Thu hồi đất làm đường giao thông do người dân tự nguyện trả lại đất	2,50	2,50		2,50	CLN(1,5); ONT(0,5); ODT(0,5);	thị trấn Hưng Hóa, xã Bắc Sơn, Dân Quyền, Dị Nậu, Hiền Quan, Hương Nộn, Lam Sơn, Quang Húc, Tề Lễ, Thanh Uyên, Thọ Văn, Vạn Xuân	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch số 3581/KH- UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh
4	Dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối Quốc lộ 32 và đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Hòa Bình	5,47	5,47		5,47	LUC(5,3); HNK(0,17);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Thông báo THĐ số 02/TB-UBND ngày 15/01/2016 của UBND huyện Tam Nông
5	Xử lý, khắc phục các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên đoạn Km77+600 - Km82+00, Km80+00 -	1,00	1,00		1,00	LUC(0,3); HNK(0,1); RSX(0,5); DGT(0,1);	thị trấn Hưng Hóa, xã Bắc Sơn, Dân Quyền, Dị Nậu, Hiền Quan, Hương Nộn, Lam Sơn,	Nghị quyết 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
	Km80+700, Km82+700 - Km83+500, QL32, tỉnh Phú Thọ						Quang Húc, Tê Lê, Thanh Uyên, Thọ Văn, Vạn Xuân	
6	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đường dẫn đầu cầu Trung Hà QL.32 giao với ĐT.316, tỉnh Phú Thọ	0,40	0,40		0,40	HNK(0,3); CLN(0,1);	thị trấn Hưng Hóa, xã Bắc Sơn, Dân Quyền, Dị Nậu, Hiền Quan, Hương Nộn, Lam Sơn, Quang Húc, Tê Lê, Thanh Uyên, Thọ Văn, Vạn Xuân	Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh
7	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316M từ xã Hương Nộn, huyện Tam Nông đến xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy	1,91	1,91		1,91	LUC(0,26); HNK(1); DTL(0,65);	xã Hương Nộn	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
8	Dự án cải tạo, nâng cấp và gia cố mặt đê kết hợp đường giao thông tuyến đê hữu sông Thao đoạn Km52-Km69 (từ xã Xuân Quang đến xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông)	4,35	4,35		4,35	LUC(0,18); HNK(0,84); CLN(2,95); NTS(0,32); ONT(0,06);	xã Vạn Xuân, Thanh Uyên	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nội thị từ thị trấn Hưng Hóa đến xã Dị Nậu	4,00	4,00		4,00	LUC(0,04); LUK(3,36); HNK(0,02); DGT(0,13); BCS(0,45);	TT Hưng Hóa, xã Dị Nậu	Nghị quyết 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ
10	Đường giao thông từ cầu Bờ Địa đi cầu Bạch Đằng thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông	2,80	2,80		2,80	LUK(2,2); DGT(0,4); DTL(0,2);	xã Dị Nậu, TT Hưng Hóa	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 4150/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND huyện Tam Nông về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình g; Quyết định số

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								4070/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND huyện Tam Nông về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công dự toán xây dựng công trình
11	Đường giao thông nối từ QL 32 đi ĐT 316 kết nối KCN Tam Nông với KCN Trung Hà	45,00	45,00		45,00	LUC(19,2); HNK(3,02); CLN(10,2); RSX(3,5); NTS(2,5); ONT(0,3); DGT(3,78); DTL(2,5);	TT Hưng Hóa, xã Vạn Xuân, xã Hương Nộn, xã Dân Quyền	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt dự toán công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình
12	Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL 70B, QL32C tỉnh Phú Thọ đi Yên Bái	15,80	15,80		15,80	LUK(9,67); HNK(2,95); CLN(1,72); RSX(1,22); ONT(0,24);	xã Quang Húc, xã Lam Sơn	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với quốc lộ 70B, quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái (Bổ sung đầu tư xây dựng tuyến đường kéo dài từ điểm đầu của tuyến chính (tại km0) đến Quốc lộ 32 (tại km 76 + 150)	10,80	10,80		10,80	LUC(3,2); LUK(1); HNK(2,2); CLN(1); RSX(2,8); ONT(0,05); DGT(0,3); DTL(0,25);	xã Vạn Xuân, Hương Nộn	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh
1.4.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xử lý khẩn cấp sự cố tràn, vỡ đê tả, hữu sông Bứa thuộc địa bàn huyện Tam Nông	1,50	1,50		1,50	LUC(1); LUK(0,5);	xã Tề Lễ, Quang Húc, Lam Sơn	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh; Thực hiện theo Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển tại Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
2	Cải thiện hệ thống thủy lợi huyện Tam Nông, Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thuộc dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ	0,89	0,89		0,89	LUK(0,44); HNK(0,45);	xã Dân Quyền	Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Đầu tư, xây dựng và khai thác hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Trung Hà tại xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Phần đầu tư xây dựng hoàn trả tuyến kênh tiêu, kênh tưới)	1,17	1,17		1,17	LUC(1,1); DGT(0,07);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
1.5.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Đất đai							
1	Xây dựng điểm thu gom rác thải tập trung thị trấn Hưng Hóa	0,06	0,06		0,06	HNK(0,06);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 2730/UBND-TCKH ngày 14/11/2021 của UBND huyện Về việc đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng điểm thu gom rác thải tập trung thị trấn Hưng Hóa
2	Khu thu gom xử lý rác tập trung	0,05	0,05		0,05	LUK(0,05);	xã Dị Nậu	Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
1.6.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật Đất đai							
1	Nâng cao năng lực truyền tải mạch vòng 35kV giữa lộ 371 trạm 110kV Cẩm Khê và lộ 375 trạm 110kV Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0,44	0,44		0,44	LUC(0,02); HNK(0,42);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1326/QĐ-EVNNPC ngày 14/6/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc giao danh mục ĐTXD cho Công ty Điện lực Phú Thọ
		0,09	0,09		0,09	LUC(0,03); HNK(0,06);	xã Lam Sơn	
		0,09	0,09		0,09	LUC(0,03); HNK(0,06);	xã Quang Húc	

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
2	Nâng cao năng lực truyền tải đường dây 35kV lộ 373 trạm 110kV Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0,04	0,04		0,04	LUC(0,02); HNK(0,02);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2232/QĐ-EVNNPC ngày 16/9/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc giao danh mục ĐTXD bổ sung cho Công ty Điện lực Phú Thọ
		0,04	0,04		0,04	LUC(0,02); HNK(0,02);	xã Bắc Sơn	
		0,05	0,05		0,05	LUC(0,02); HNK(0,03);	xã Lam Sơn	
3	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng, cải thiện chất lượng điện áp lưới điện hạ áp khu vực huyện Tam Nông, Thanh Thủy năm 2023	0,05	0,05		0,05	LUC(0,02); HNK(0,03);	xã Dị Nậu	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2469/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2023 cho Công ty Điện lực Phú Thọ
		0,07	0,07		0,07	LUC(0,03); HNK(0,04);	xã Hương Nộn	
		0,06	0,06		0,06	LUC(0,02); HNK(0,04); SKC(0); DGT(0); BCS(0);	xã Dân Quyền	
4	Chống quá tải lưới điện phân phối huyện Tam Nông năm 2021	0,02	0,02		0,02	LUK(0,01); HNK(0,01);	xã Thanh Uyên	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh
		0,02	0,02		0,02	LUK(0,01); HNK(0,01);	xã Hiền Quan	
5	Nâng cao năng lực truyền tải, giảm tổn thất điện năng đường dây 22kV lộ 473E4.11	0,01	0,01		0,01	LUC(0,01);	thị trấn Hưng Hóa, xã Bắc Sơn, Dân Quyền, Dị Nậu, Hiền Quan, Hương Nộn, Lam Sơn, Quang Húc, Tề Lễ, Thanh Uyên, Thọ Văn, Vạn Xuân	Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
6	Chống quá tải lưới điện phân phối huyện Tam Nông năm 2022	0,02	0,02		0,02	LUC(0,01); HNK(0,01);	Các xã: Lam Sơn, Bắc Sơn, Hương Nộn	Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh
7	CQT, giảm bán kính cấp điện lưới điện hạ áp, giảm khách hàng điện áp thấp, giảm TTDN khu vực: TT Hưng Hóa, xã Xuân Lộc, Xuân Quang Huyện Tam	0,04	0,04		0,04	LUC(0); CLN(0,01); RSX(0,03);	TT Hưng Hóa, Xuân Quang (nay là xã Bắc Sơn)	Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
	Nông							
8	CQT, giảm bán kính cấp điện lưới điện hạ áp, giảm khách hàng điện áp thấp, giảm TTĐN khu vực: Xã Hiền Quan, Thượng Nông, Dị Nậu, Tam Cường, Xuân Quang huyện Tam Nông. TT Đông Phú, xã Phú Lạc, Tuy Lộc huyện Cẩm Khê. Xã Giáp Lai, Văn Miếu huyện Thanh Sơn. Xã Sơn Thủy huyện Thanh Thủy	0,044	0,044		0,044	LUC(0); HNK(0); RSX(0,04);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
		0,004	0,004		0,004	LUC(0); HNK(0);	xã Hiền Quan	
		0,024	0,024		0,024	LUC(0); HNK(0); RSX(0,02);	xã Dị Nậu	
		0,004	0,004		0,004	LUC(0); HNK(0);	xã Bắc Sơn	
		0,004	0,004		0,004	LUC(0); HNK(0);	xã Vạn Xuân	
9	Cấp điện cho khách hàng tại Cụm công nghiệp Vạn Xuân, huyện Tam Nông	0,30	0,30		0,30	LUC(0,15); HNK(0,01); CLN(0,01); RSX(0,01); NTS(0,01); DGT(0,09); NTD(0); PNK(0,02);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
		0,02	0,02		0,02	LUC(0,01); RSX(0,01);	Xã Lam Sơn	
10	Dự án đường dây điện 371 Tam Nông - 371 Trung Hà	0,07	0,07		0,07	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); RSX(0,02); NTS(0,01);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 08/2023/NQ HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
		0,05	0,05		0,05	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); NTS(0,01);	thị trấn Hưng Hóa	
11	Chuyển đổi cấp điện áp 10kV lộ 971 TG Cổ Tiết sang vận hành cấp điện áp 22kV, tỉnh Phú Thọ (giai đoạn 2)	0,10	0,10		0,10	LUC(0,04); HNK(0,02); CLN(0,01); RSX(0,02); NTS(0,01);	xã Hương Nộn	Nghị quyết số 08/2023/NQ HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
		0,09	0,09		0,09	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); RSX(0,04);	xã Vạn Xuân	

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
						NTS(0,01);		
		0,05	0,05		0,05	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); NTS(0,01);	thị trấn Hưng Hóa	
12	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng, cải thiện chất lượng điện áp lưới điện khu vực Tam Nông năm 2024	0,07	0,07		0,07	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); RSX(0,02); NTS(0,01); DGT(0);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
		0,05	0,05		0,05	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); NTS(0,01); DGT(0); TON(0);	xã Hiền Quan	
		0,05	0,05		0,05	LUC(0,01); HNK(0,01); CLN(0,01); RSX(0,02); DSN(0); DVH(0);	xã Tề Lễ	
		0,10	0,10		0,10	LUC(0,02); HNK(0,01); CLN(0,01); RSX(0,04); NTS(0,01); DGT(0,01);	xã Hương Nộn	
1.7.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 8 Điều 79 Luật Đất đai							
1	Đầu tư xây dựng chợ Tứ Mỹ	0,60	0,60		0,60	LUC(0,6);	xã Lam Sơn	Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng chợ đầu mối xã Dân Quyền, huyện Tam Nông	1,95	1,95		1,95	LUC(1,5); NTS(0,23); DGT(0,15); DTL(0,07);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 7/4/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh.; Văn bản số 278/UBND-TCKH ngày 15/2/2022 của UBND huyện Tam Nông về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
1.8.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 12 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xây dựng trụ sở BHXH huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0,25	0,25		0,25	LUC(0,2); HNK(0,05);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 440/QĐ-BHXH ngày 12/5/2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
2	Xây dựng trụ sở Đội quản lý thị trường số 7	0,20	0,20		0,20	LUC(0,2);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 1908/UBND-KTN ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Về việc giao đất xây dựng trụ sở đội quản lý thị trường tại các huyện Đoan Hùng, Cẩm Khê, Tam Nông
1.9.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 14 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Thọ Văn	0,20	0,20		0,20	CLN(0,1); DSN(0,1); DGD(0,1);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
2	Xây dựng nhà văn hóa khu 2, khu 3 xã Thọ Văn	0,20	0,20		0,20	LUK(0,12); HNK(0,03); NTS(0,05);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 1769/UBND-TCKH ngày 15/8/2022 của UBND huyện Tam Nông về việc đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng mới nhà văn hóa khu 2, khu 3 và cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa khu 6, khu 9 xã Thọ Văn
3	Mở rộng nhà văn hóa khu 6, khu 9, xã Thọ Văn	0,05	0,05		0,05	CLN(0,05);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 1769/UBND-TCKH ngày 15/8/2022 của UBND huyện Tam Nông về việc đầu tư xây dựng công

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								trình: Xây dựng mới nhà văn hóa khu 2, khu 3 và cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa khu 6, khu 9 xã Thọ Văn
1.10.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 16 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Mở rộng, cải tạo khuôn viên trường mầm non Hương Nộn	0,30	0,30		0,30	LUC(0,3);	xã Hương Nộn	Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh
2	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Hưng Hóa	1,70	1,70		1,70	LUC(1,6); DTL(0,1);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
3	Xây dựng mới trường trung học cơ sở Nguyễn Quang Bích	3,10	3,10		3,10	HNK(3); RSX(0,1);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Công văn Số 41/UBND-KGVX ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ
4	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Đậu Dương	0,04	0,04		0,04	NTS(0,04);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
5	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Thượng Nông	0,10	0,10		0,10	HNK(0,1);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
6	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Hồng Đà	0,70	0,70		0,70	DSN(0,7); DTT(0,7);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
1.11.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 17 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông (Phân khu Sân golf Tam Nông 1)	73,42	73,42	31,61	41,81	LUK(4,13); HNK(1,13); CLN(11,51); RSX(13,2); NTS(2,7); ONT(2,8); DGT(2,08); DTL(1,19); NTD(0,06); TVC(3,01); MNC(3,01);	xã Lam Sơn, xã Thọ Vãn	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Văn bản số 1497/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư
2	Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông (Phân khu Sân golf Tam Nông 2)	74,81	74,81	41,51	33,30	LUK(2,28); HNK(9,84); CLN(6,8); RSX(7,46); NTS(0,5); ONT(2,52); DSN(0,06); DVH(0,06); DGT(1,82); DTL(0,33); BCS(1,68);	xã Lam Sơn, xã Quang Húc	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 1498/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 Chấp thuận chủ trương đầu tư
3	Xây dựng sân vận động khu A	0,58	0,58		0,58	LUC(0,58);	xã Tề Lễ	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Văn bản số 1093b/UBND-TCKH ngày 26/7/2017 của UBND huyện Tam Nông về việc đầu tư xây dựng sân vận động xã Tề Lễ, huyện Tam Nông
1.12.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai</i>							

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
1	Tái định cư dự án: Bổ sung tuyến đường kéo dài từ điểm đầu của dự án (tại km0) đến Quốc lộ 32 (Thuộc dự án Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL 70B, QL 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái)	1,50	1,50		1,50	LUC(0,2); RSX(1,3);	xã Vạn Xuân, Hương Nộn và Lam Sơn	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh.
2	Khu Tái Định cư dự án Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL.70B, QL.32C tỉnh Phú Thọ, đi Yên Bái	0,87	0,87		0,87	LUK(0,2); HNK(0,3); RSX(0,37);	xã Lam Sơn	Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh, Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
3	Giao đất Tái định cư để xây dựng công trình Nhà điều hành và làm việc liên khối UBND xã Thọ Văn	0,07	0,07		0,07	NTS(0,07);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 08/2023/NQ- HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh.
1.13.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 25 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Mở rộng bãi thải đất thuộc khu vực đầu tư khai thác, chế biến Caolin	1,86	1,86	1,56	0,30	RSX(0,3);	xã Dị Nậu	Giấy phép khai thác khoáng sản số 44/GP-UBND ngày 07/09/2022 của UBND tỉnh. Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8615332521 ngày 10/6/2020 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp
1.14.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Điểm dân cư nông thôn tại khu 12 (xứ đồng Đa Cộc), xã	2,11	2,11		2,11	LUC(2,01); HNK(0,1);	xã Hương Nộn	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh;

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
	Hương Nộn, huyện Tam Nông							Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 5166/UBND-TCKH ngày 08/10/2024 của UBND huyện Tam Nông V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Điểm dân cư nông thôn mới tại khu 12 (xứ Đồng Đa Cộc), xã Hương Nộn, huyện Tam Nông
2	Đấu giá QSDĐ tại trụ sở UBND xã Tam Cường (cũ)	0,60	0,60		0,60	TSC(0,6);	xã Vạn Xuân	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
3	Đấu giá trụ sở UBND xã Dậu Dương (cũ)	0,34	0,34		0,34	TSC(0,34);	xã Dân Quyền	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
4	Đấu giá trụ sở UBND xã Tứ Mỹ (cũ)	0,30	0,30		0,30	TSC(0,3);	xã Lam Sơn	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
5	Đấu giá trụ sở UBND xã Hùng Đô (cũ)	0,48	0,48		0,48	TSC(0,48);	xã Lam Sơn	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
6	Đấu giá trụ sở UBND xã Vực Trường (cũ)	0,32	0,32		0,32	TSC(0,32);	xã Bắc Sơn	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
7	Đấu giá trụ sở UBND xã Xuân Quang (cũ)	0,08	0,08		0,08	TSC(0,08);	xã Bắc Sơn	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
8	Đấu giá hội trường UBND xã Vực Trường	0,07	0,07		0,07	TSC(0,07);	xã Bắc Sơn	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
9	Đấu giá hội trường UBND xã Xuân Quang	0,12	0,12		0,12	TSC(0,12);	xã Bắc Sơn	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tam Nông
10	Hạ tầng đất ở dân cư	2,50	2,50	0,37	2,13	LUC(2); HNK(0,13);	xã Quang Húc	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu 4, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông	2,00	2,00	1,25	0,75	LUC(0,75);	xã Tề Lễ	Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
12	Khu đất ở dân cư tại thị trấn Hưng Hóa và xã Dân Quyền	25,00	25,00		25,00	LUC(9); HNK(0,5); CLN(0,5); RSX(15);	thị trấn Hưng Hóa, xã Dân Quyền	Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh; Nghị Quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
13	Đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Trạm kiểm Lâm Cô Tiết (Đấu giá đất ở)	0,02	0,02		0,02	TSC(0,02);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 11/2021/NQ- HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn	4,20	4,20	3,95	0,25	LUK(0,22); HNK(0,03);	xã Lam Sơn	Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								Thọ (điều chỉnh loại đất)
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá QSD đất ở tại khu 15, xã Bắc Sơn, huyện Tam Nông	3,23	3,23		3,23	LUC(2,43); DGT(0,76); DTL(0,04);	xã Bắc Sơn	Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 UBND huyện Tam Nông Về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá QSD đất ở tại khu 15, xã Bắc Sơn, huyện Tam Nông
16	Khu dân cư mới xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (đất ở: 4,96 ha; đất thương mại dịch vụ: 0,15 ha; đất hạ tầng: 7,59 ha)	12,70	12,70		12,70	LUC(7,3); LUK(2,6); HNK(0,3); CLN(0,5); DGT(0,6); DTL(0,6); TVC(0,8); SON(0,8);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Tam Nông về việc Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới Vạn Xuân tại xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông
17	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn	2,59	2,59	1,53	1,06	LUC(0,71); HNK(0,03); NTS(0,17); DGT(0,16);	xã Dân Quyền	Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ (điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án là Chân Đanh Quán)

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
18	Hạ tầng đất ở dân cư	2,81	2,81		2,81	LUK(2,2); DGT(0,6); DTL(0,01);	xã Hiền Quan	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4223/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện Tam Nông về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500.
19	Khu dân cư tại xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông	21,50	21,50		21,50	LUC(2); HNK(8); CLN(0,17); RSX(10); ONT(0,2); DGT(0,83); DTL(0,3);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh
20	Khu dân cư xã Hương Nộn, huyện Tam Nông	5,85	5,85		5,85	LUC(5,85);	xã Hương Nộn	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh
21	Khu dân cư nông thôn mới tại các khu 17, khu 18, khu 19 xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông (đất ở: 8,35 ha; đất thương mại dịch vụ: 1,03 ha; đất hạ tầng: 15,16 ha)	24,54	24,54		24,54	LUK(1,9); HNK(2,61); RSX(20,03);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh
22	Khu dân cư xã Lam Sơn, huyện Tam Nông	39,60	39,60		39,60	LUK(3,5); CLN(3,33); RSX(31,2); NTS(0,29); ONT(0,5); DTL(0,78);	xã Lam Sơn	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh
23	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSDĐ tại khu 13, khu 14 xã Dân Quyền, huyện Tam Nông	3,61	3,61		3,61	LUC(1,56); LUK(0,12); HNK(0,63); NTS(1,21); DGT(0,09);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Văn bản số 278/UBND-TCKH ngày 15/2/2022 của UBND huyện Tam Nông về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
24	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn	1,10	1,10	0,90	0,20	LUC(0,2);	Khu 10, xã Lam Sơn (khu 7, xã Tứ Mỹ cũ)	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh
25	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Vạn Xuân	9,11	9,11		9,11	LUC(3,7); LUK(2,5); HNK(0,07); CLN(0,6); NTS(1); ONT(0,03); DGT(0,3); DTL(0,4); PNK(0,05); BCS(0,46);	Xã Vạn Xuân (Xã Cổ Tiết cũ)	Nghị quyết số 08/2023/NQ HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
26	Khu đô thị Quang Húc, tại xã Quang Húc thuộc dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông (đất ở: 12,81 ha; đất thương mại dịch vụ: 2,81 ha; đất hạ tầng: 21,73 ha)	37,35	37,35	26,70	10,65	LUC(2,72); LUK(4,1); HNK(1,72); RSX(2,11);	xã Quang Húc, xã Lam Sơn	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết cũ thông qua dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông với diện tích 499,05ha. Nay điều chỉnh thành 5 phân khu, cụ thể: Dự án Sân golf Tam Nông 1 tại xã Lam Sơn, Thọ Văn (Văn bản số 1497/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Sân golf Tam Nông 2 tại xã Lam Sơn, Quang Húc (Văn bản số 1498/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Khu đô thị Quang Húc, xã Quang Húc, huyện Tam Nông (Văn bản số 1465/UBND-KGVX ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Ph Thọ về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Khu đô thị Tam Nông, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông (Văn bản số 1461/UBND-KGVX ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								đầu tư); Khu đô thị dịch vụ sinh thái Tam Nông
27	Khu đô thị Tam Nông, tại xã Thọ Văn thuộc dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông (đất ở: 10,58 ha; đất thương mại dịch vụ: 0,77 ha; đất hạ tầng: 10,27 ha)	21,62	21,62		21,62	LUC(4); LUK(0,4); HNK(1,13); CLN(10,08); RSX(1,86); NTS(1,91); ONT(1,36); DSN(0,04); DVH(0,04); DGT(0,63); DTL(0,21); BCS(0);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết cũ thông qua dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông với diện tích 499,05ha. Nay điều chỉnh thành 5 phân khu, cụ thể: Dự án Sân golf Tam Nông 1 tại xã Lam Sơn, Thọ Văn (Văn bản số 1497/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Sân golf Tam Nông 2 tại xã Lam Sơn, Quang Húc (Văn bản số 1498/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Khu đô thị Quang Húc, xã Quang Húc, huyện Tam Nông (Văn bản số 1465/UBND-KGVX ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Ph Thọ về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Khu đô thị Tam Nông, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông (Văn bản số 1461/UBND-KGVX ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Khu đô thị dịch vụ sinh thái Tam Nông
28	Khu đô thị dịch vụ sinh thái Tam Nông thuộc dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Tam Nông	273,75	273,75		273,75	LUC(26,5); LUK(12,04); CLN(1,8); RSX(214,21);	xã Lam Sơn, Thọ Văn, Quang Húc	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Nghị quyết cũ thông qua dự án Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
	(đất ỏ: 49,28 ha; đất thương mại, dịch vụ: 22,97 ha; đất hạ tầng kỹ thuật: 199,32 ha)					ONT(0,4); DGT(9,2); DTL(3,2); TVC(6,4); MNC(6,4);		và sân golf Tam Nông với diện tích 499,05ha. Nay điều chỉnh thành 5 phân khu, cụ thể: Dự án Sân golf Tam Nông 1 tại xã Lam Sơn, Thọ Văn (Văn bản số 1497/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Sân golf Tam Nông 2 tại xã Lam Sơn, Quang Húc (Văn bản số 1498/UBND-KGVX ngày 14/5/2021 Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Khu đô thị Quang Húc, xã Quang Húc, huyện Tam Nông (Văn bản số 1465/UBND-KGVX ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Ph Thọ về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Dự án Khu đô thị Tam Nông, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông (Văn bản số 1461/UBND-KGVX ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư); Khu đô thị dịch vụ sinh thái Tam Nông
29	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị	2,00	2,00	1,59	0,41	LUC(0,41);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
30	Khu dân cư mới thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông	1,26	1,26		1,26	LUK(0,21); HNK(0,76); DSN(0,29); DVH(0,03); DTT(0,26); DNL(0);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh
31	Xây dựng hạ tầng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	0,50	0,50		0,50	LUC(0,5);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh.; Quyết định số 4292/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện Tam Nông về việc phê duyệt chủ trương

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng phục vụ đấu giá QSD đất tại khu 7 (Con Loe), thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSDĐ ở tại khu Hồ Đá	0,50	0,50		0,50	LUC(0,2); NTS(0,3);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 02/2023/NQ HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
33	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSDĐ ở tại khu Chăm Vế, xã Thọ Văn	0,7						Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho UBND huyện Tam Nông thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Chăm Vế, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
34	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSDĐ ở tại khu Đồng Đính, xã Vạn Xuân	0,13						Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho UBND huyện Tam Nông để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Đính, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
35	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSDĐ ở tại khu 3, xã Dân Quyền	0,49						Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho UBND huyện Tam Nông để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								khu 3, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
36	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSDĐ ở tại khu 8, xã Dân Quyền	0,15						Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho UBND huyện Tam Nông thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu 8, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
37	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSDĐ ở tại khu Sùng, xã Vạn Xuân	0,24						Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 7/10/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho UBND huyện Tam Nông thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Sùng, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
1.15	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 28 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xây dựng mới nghĩa trang xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông	5,00	5,00		5,00	LUC(1); HNK(2); CLN(2);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang Da Lông, xã Vạn Xuân	1,75	1,75		1,75	LUC(0,8); RSX(0,9); DTL(0,05);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Mở rộng khuôn viên nghĩa trang Cao Su, Rừng Đèn	0,53	0,53		0,53	HNK(0,53);	thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 16/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								29/8/2022 của UBND TT Hưng Hóa về chủ trương đầu tư dự án: Mở rộng khuôn viên nghĩa trang đồi Cao Su, khu 4, TT Hưng Hóa
4	Mở rộng nghĩa trang tại xã Dân Quyền	0,65	0,65		0,65	LUC(0,03); LUK(0,62);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
1.16	Các công trình, dự án khác							
1	Nhà máy gạch Takao Granite	14,70	14,70	7,33	7,37	LUC(3,72); HNK(0,12); CLN(1,1); RSX(2,08); NTD(0,03); BCS(0,33);	xã Thanh Uyên	Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh
2	Dự án nhà máy sản xuất chế biến gỗ	2,56	2,56		2,56	RSX(2,56);	xã Tè Lễ	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 3354/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ;
3	Dự án đấu giá đất sản xuất kinh doanh tại xã Lam Sơn	1,71	1,71		1,71	HNK(1,71);	xã Lam Sơn	Công văn số 1749/UBND-NNTN ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ
4	Dự án đấu giá đất sản xuất kinh doanh tại xã Dân Quyền	1,42	1,42		1,42	HNK(1,42);	xã Dân Quyền	Công văn số 1749/UBND-NNTN ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ
5	Đấu giá QSD đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao tại xã Dân Quyền, huyện Tam Nông	0,35	0,35		0,35	CLN(0,35);	xã Dân Quyền	Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 4890/UBND NNTN ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sang đất cơ sở thể dục thể thao để đấu giá QSDĐ

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
6	Cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp	0,15	0,15		0,15	NTS(0,15);	xã Dân Quyền	Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quyết định chủ trương đầu tư
7	Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp	0,30	0,30		0,30	LUC(0,3);	xã Hương Nộn, thị trấn Hưng Hóa	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ; QĐ số 444/QDD-UBND ngày 26/01/2022 của UBND huyện Tam Nông về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai							
2.1.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Đất đai							
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Dị Nậu, huyện Tam Nông	0,20	0,20		0,20	LUC(0,2);	xã Dị Nậu	Quyết định số 27B/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND huyện Tam Nông về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng mới trụ sở Công an xã Dị Nậu
2.2.	Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai							
1	Tuyến đường giao thông kết nối ĐT.317G với ĐT.316G và QL.32, huyện Tam Nông	7,50	7,50		7,50	LUC(6,8); RSX(0,7);	xã Dân Quyền	NQ số 06/NQ-HĐND ngày 09/7/2024 của HĐND huyện Tam Nông Chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường giao thông kết nối ĐT.317G với ĐT.316G và QL.32, huyện Tam Nông

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
2	Đầu tư xây dựng cầu Phong Châu mới - Quốc lộ 32C, tỉnh Phú Thọ	2,90	2,90		2,90	TSC(0,27); DGT(2,6); BCS(0,03);	xã Vạn Xuân	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Theo Công điện số 96/CĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính Phủ
3	Cải tạo nâng cấp đường trục khu 1, khu 5 xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông	1,13	1,13		1,13	HNK(0,91); RSX(0,22);	xã Thanh Uyên	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư
2.3.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xuất tuyến 22kV trạm 110kV Trung Hà, tỉnh Phú Thọ	0,53	0,53		0,53	LUC(0,2); HNK(0,3); RSX(0,03);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
2	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Phú Thọ năm 2024	0,12	0,12		0,12	LUC(0,02); HNK(0,07); RSX(0,03);	xã Lam Sơn	Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
3	Nâng cao độ tin cậy cung cấp lưới điện TP Việt Trì huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ năm 2024 theo phương án đa chia nối (MDMC)	0,12	0,12		0,12	LUC(0,02); HNK(0,08); RSX(0,02);	xã Dân Quyền	Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
4	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng, cải thiện chất lượng điện áp lưới điện hạ áp khu vực huyện Tam Nông, Thanh Thủy bổ sung năm 2023	0,10	0,10		0,10	LUC(0,02); HNK(0,08); DGT(0); NTD(0);	xã Hiền Quan	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
		0,11	0,11		0,11	LUC(0,02); HNK(0,05); RSX(0,04);	xã Lam Sơn	
		0,11	0,11		0,11	LUC(0,02); HNK(0,07); RSX(0,02); DGT(0); BCS(0);	xã Dân Quyền	

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
		0,10	0,10		0,10	LUC(0,02); HNK(0,06); RSX(0,02); DGT(0);	xã Tề Lễ	
		0,11	0,11		0,11	LUC(0,02); HNK(0,07); RSX(0,02);	xã Dị Nậu	
		0,11	0,11		0,11	LUC(0,02); HNK(0,07); RSX(0,02);	xã Bắc Sơn	
		0,09	0,09		0,09	LUC(0,02); HNK(0,05); RSX(0,02);	xã Thọ Văn	
2.4.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 14 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo sửa chữa nhà Văn hóa tại xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (khu 1, 4, 5)	0,29	0,29		0,29	LUK(0,07); HNK(0,04); CLN(0,01); RSX(0,15); NTS(0,02); DTL(0,01);	xã Thọ Văn	Nghị quyết số 06/2024/NQ HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
2.5.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Cụm công nghiệp Tam Nông	1,00	1,00		1,00	HNK(0,5); CLN(0,5);	xã Vạn Xuân	Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND huyện Tam Nông Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Cụm công nghiệp Tam Nông
2.6.	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSDĐ tại khu Ba Nương, xã Thanh	2,00	2,00		2,00	HNK(2);	xã Thanh Uyên	Quyết định số 5999/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Tam Nông về việc điều chỉnh, bổ sung kế

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
	Uyên, huyện Tam Nông							hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giao đoạn 2021-2025
2	Điểm dân cư nông thôn dọc ĐT.316G xã Dân Quyền, huyện Tam Nông	9,20	9,20		9,20	HNK(0,14); NTS(7,8); TMD(0,02); DGT(1,02); DTL(0,23);	xã Dân Quyền	Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ
3	Đầu giá trường mầm non Hương Nộn	0,20	0,20		0,20	DSN(0,2); DGD(0,2);	xã Hương Nộn	
2.7	<i>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 25 Điều 79 Luật Đất đai</i>							
1	Đầu tư khai thác, chế biến mỏ Kaolin-Felspat	4,86	4,86		4,86	DSN(4,86);	xã Thọ Văn	Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 4/4/2025 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
III	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch							
1	Đầu giá QSD đất thương mại, dịch vụ tại xã Lam Sơn, huyện Tam Nông	1,20	1,20		1,20	HNK(1,2);	xã Lam Sơn	Văn bản số 1749/UBND-NNTN ngày 17/05/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc đầu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án sản xuất kinh doanh đối với 02 vị trí khu đất tại xã Dân Quyền và xã Lam Sơn

STT	Tên công trình	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Cấp xã)	Văn bản pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
2	Đấu giá QSD đất thương mại, dịch vụ tại xã Dân Quyền, huyện Tam Nông	1,48	1,48		1,48	HNK(1,48);	xã Dân Quyền	Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 1749/UBND-NNTN ngày 17/05/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án sản xuất kinh doanh đối với 02 vị trí khu đất tại xã Dân Quyền và xã Lam Sơn
3	Dự án Trung tâm chế biến, giao dịch nông sản thực phẩm an toàn và chuyển giao kỹ thuật, vật tư nông nghiệp	20,18	20,18		20,18	HNK(0,05); RSX(18,59); NTS(0,49); DTL(0,05); BCS(1);	xã Lam Sơn	Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ
4	Bãi tập kết hàng hoá xã Tề Lễ	1,20	1,20		1,20	HNK(1,17); DGT(0,03)	xã Tề Lễ	Văn bản số 303/SNNMT-QLĐĐ ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh về việc đề xuất chấp thuận cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển quốc tế Vạn Xuân Group nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án thương mại dịch vụ tại xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
5	Bến, bãi bốc xếp hàng hoá và kinh doanh vật liệu xây dựng xã Lam Sơn	1,70	1,70		1,70	HNK(0,83); DGT(0,52); DTL(0,36)	xã Lam Sơn	Văn bản số 3501/TNMT-QLĐĐ ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh về việc đề nghị chấp thuận cho Công ty cổ phần thương mại HKDV được nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án thương mại dịch vụ tại xã Lam Sơn, huyện Tam Nông

Phụ biểu số 06: Danh mục dự án không khả thi, hủy bỏ

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Chuyển mục đích đất xen ghép trong khu dân cư	xã Bắc Sơn, Dân Quyền, Dị Nậu, Hiền Quan, Hương Nộn, Lam Sơn, Quang Húc, Tề Lễ, Thanh Uyên, Thọ Văn, Vạn Xuân	3,18	Đã thực hiện 0,05 ha; Hủy bỏ 3,18 ha do không khả thi thực
2	Chống quá tải TBA Xuân Lộc 1, Xuân Lộc 3, Thọ Văn 1, Thọ Văn 3, Cổ Tiết 2, Cổ Tiết 4, Phương Thịnh 2, Bơm Tam Cường	Các xã: Thọ Văn, Vạn Xuân, Lam Sơn	0,05	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết
3	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng các trạm biến áp Thượng Long 4, Sơn Tinh 1, Sơn Vi 7, Sơn Vi 2, Sơn Vi 6, Thượng Nông 1, Văn Lương 1, Địch Quả 3, Minh Đài 1, Minh Đài 2, Minh Đài 3, Minh Đài 4, Liên Hoa 4, Phú Cường, Trạm Thản 1, Bình Bộ 2, Vân Đồn 1, Phú Thứ 1, Vân Đồn 2, Phong Phú 2, Minh Phú 3	xã Dân Quyền	0,01	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết
4	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng các trạm biến áp Thanh Uyên 1, Xuân Lộc 2, Thanh Uyên 4, Dậu Dương 1, Xuân Thủy 1, Phùng Xá 1, Thanh Nga 1, Hiền Đa 2, Phú Khê 2, Văn Khúc 3	xã Thanh Uyên, Dân Quyền	0,02	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết
5	Mạch vòng 35kV giữa lộ 374 trạm 110kV Phố Vàng và lộ 371 trạm 110kV Tam Nông (0,012 ha); Chống quá tải lưới điện phân phối huyện Tam Nông (0,0344ha); Chống quá tải đường dây 10kV lộ 972 TBA trung gian Cổ Tiết huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (0,016ha); Chống quá tải cấp bách lưới điện tỉnh Phú Thọ (0.002ha)	xã Tề Lễ; Dị Nậu; Thọ Văn; Bắc Sơn; Vạn Xuân; Thanh Uyên	0,06	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết
6	Di chuyển đường dây điện phục vụ dự án đường giao thông nối QL70 và QL32A; Mạch vòng 22kV giữa lộ 473 trạm 110kV Phố Vàng; Chống quá tải các TBA Hương Nộn 2; cầu Phong Châu, xã Cổ Tiết; Tứ Mỹ 4; Hiền Quan 2; Thọ Văn 1,2,3; Văn Lương	xã Vạn Xuân, Hiền Quan, Thọ Văn	0,09	Hủy bỏ do hết hạn Nghị quyết